

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đàm;

Ông Nguyễn Quang Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Thu Hà
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ng

Địa chỉ: Thôn HL, xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lu, Kuo-L (dịch sang tiếng Việt: Lô Quốc L); Quốc tịch: Trung Quốc.

Số chứng minh nhân dân: E 121330722

Hộ chiếu số 308089118, Bộ Ngoại giao Trung Quốc cấp ngày 29-10-2013, ngày hết hạn: 29-10-2023

Địa chỉ: Tầng 8, số 21, ngõ 794, đường Dân tộc nhất, cụm 043, phường GT, khu TD, thành phố CH, tỉnh ĐL, Trung Quốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ng và ông Lu, Kuo-L kết hôn với nhau vào ngày 16-9-2019, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, trong thời gian chờ làm thủ tục phỏng vấn, vợ chồng

nói chuyện với nhau thấy không hợp nhau về tính cách, phong tục tập quán, bất đồng quan điểm sống, nếu có sống chung với nhau thì cũng không có hạnh phúc. Đến ngày phỏng vấn không được thông qua và tình cảm ngày càng mâu thuẫn, ông Lu, Kuo-L không liên lạc với bà Ng nữa. Đến nay đã hết tình cảm với nhau, vợ chồng vẫn sống mỗi người một quốc gia, không ai còn quan tâm đến nhau. Bà Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với ông Lu, Kuo-L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản đề nghị ly hôn của ông Lu, Kuo-L thể hiện: Ông Lu, Kuo-L cũng xác định việc kết hôn như nội dung bà Nguyễn Thị Ng trình bày. Trong thời gian chờ làm thủ tục để đưa bà Ng sang Đài Loan sinh sống, ông bà nhận thấy hai bên có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, do đó ông bà quyết định ly hôn. Ông Lu, Kuo-L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xem xét tạo điều kiện cho ông bà được ly hôn trong thời gian sớm nhất. Do khoảng cách địa lý xa xôi, nên khi Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, ông xin phép được giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, ông Lu, Kuo-L không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại bản cam kết ngày 08-12-2020 của bà Nguyễn Thị Ng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái) xác định bà Nguyễn Thị Ng và ông Lu, Kuo-L không có con chung, tài sản chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án sơ thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 152, Điều 153, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn ông Lu, Kuo-L.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.
- Về lệ phí tố tụng và án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã ủy thác đề lấy lời khai của ông Lu, Kuo-L. Ông Lu, Kuo-L đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và có văn bản đề nghị ly hôn, do khoảng cách địa lý xa xôi, nên ông Lu, Kuo-L đề nghị được giải quyết vắng mặt. Tòa án xác định đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Lu, Kuo-Lung.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Lu, Kuo-L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ng và ông Lu, Kuo-L đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy, bà Ng và ông L chưa có thời gian chung sống với nhau, hiện nay bà Ng và ông L mỗi người sống một nước khác nhau, không còn quan tâm đến nhau, khoảng cách địa lý không thuận lợi, đời sống chung của vợ chồng không có, nếu có kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn ông Lu, Kuo-L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về lệ phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và lệ phí tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 152, Điều 153, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn ông Lu, Kuo-L.

2. Về lệ phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 3.000.000đồng (ba triệu đồng) tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 3.000.000đồng (ba triệu đồng) đã nộp theo biên lai nộp tiền số AA/2017/0005777 ngày 26-6-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái và 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền lệ phí tổng đạt bản án ra nước ngoài, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp

theo biên lai nộp tiền số AA/2017/0008673 ngày 01-4-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (Bà Ng đã nộp đủ tiền lệ phí).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005760 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (Bà Ng đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị Ng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lu, Kuo-L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- UBND huyện VY, tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân

